TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 18** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2025 /HS-ST
Ngày 24-7-2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Minh Thuận;

2. Bà Nguyễn Thị Thắm.

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Hoàng Trung Tính- Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: ông Đỗ Thiện Đại - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và 24 tháng 7 năm 2025, tại Tòa án nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 118/2025/TLST- HS ngày 14 tháng 5 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2025 đối với bị cáo:

Phạm Minh Đ sinh năm 1978; tại tỉnh Ninh Bình; nơi thường trú: Tổ D, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc T và bà Phạm Thị C; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị L và 03 người con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn C1 đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt.

- *Bị* hại: Trần Văn T1, sinh năm 1982 (đã *chết)*

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1953 (mẹ ruột bị hại), nơi cư trú: khu phố L, phường A, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Bà Trương Thị H, sinh năm 1977 (là vợ bị hại), nơi cư trú: tổ A, ấp C, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương (nay là xã A, Thành phố Hồ Chí Minh**).**

3. Ông Trần Phúc T2, sinh năm 1998 (con ruột bị hại); nơi cư trú: Ấp B, xã P, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là ấp B, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh*).*

4. Ông Trần Phúc T3, sinh năm 2002 (con ruột bị hại); nơi cư trú: tổ A, khu phố L, phường A, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

5. Bà Trần Thị Thu P, sinh năm 2005 (con ruột bị hại), tổ A, khu phố L, phường A, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh*).*

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Đ1, bà Trương Thị H, ông Trần Phúc T2 và bà Nguyễn Trần Thị Thu P là ông Trần Phúc T3 theo Văn bản ủy quyền ngày 22/5/2024 (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1979; nơi cư trú: Khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), có mặt.

2. Bà Trương Thị C2, sinh năm 1983, nơi cư trú: 651/3, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Minh Đ có giấy phép lái xe ô tô hạng C số 740031024975 do Sở Giao thông vận tải tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 09/9/2022, có thời hạn đến ngày 05/9/2027.

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 27/03/2024, Phạm Minh Đ điều khiển xe ô tô, biển số 61K-165.xx lưu thông trên làn đường dành cho xe ô tô (sát dãy phân cách cố định) của đường D thuộc ấp R, xã A, thành phố , tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), theo hướng từ vòng xoay Khu công nghiệp R đến đường D. Khi xe ôtô đang di chuyển với vận tốc 86km/h, do không chú ý quan sát, không giữ khoảng cách an toàn đối với xe phía trước, đã va chạm vào phần đuôi xe mô tô, biển số 71C4-115.xx do ông Trần Văn T1 (sinh năm 1982, nơi thường trú: tổ A, khu phố L, phường A, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh)) điều khiển, đang lưu thông phía trước cùng chiều, đang chuyển hướng từ lề đường bên phải qua lề đường bên trái theo chiều di chuyển của xe ôtô. Tai nạn xảy ra làm ông T1 bị thương nặng, được Đ đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh B, sau đó chuyển bệnh viện C3, Thành phố Hồ Chí Minh, đến ngày 04/04/2024 thì tử vong.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) xe xe ô tô, hiệu Ford, biển số 61K-165.xx, 01 (một) giấy phép lái xe ô tô hạng C số 740031024975, 01 (một) thẻ nhớ camera hành trình trên xe ô tô của Phạm Minh Đ và 01 (một) xe mô tô, hiệu Yamaha Sirius, biển số 71C4-115.xx.

Theo Biên bản khám nghiệm hiện trường:

Đầu đoạn đường D9 có gờ giảm tốc, có biển báo hạn chế tốc độ xe không quá 20km/h.

Đoạn đường D9 nơi xảy ra tai nạn giao thông có mặt đường trải nhựa phẳng rộng 20,14m, có 06 làn đường và ở giữa đường có dãy phân cách cứng (bồn bê tông bên trong có trồng cây) kích thước rộng 2m, dài 19,90m phân chia mặt đường thành hai phần đường xe lưu thông ngược chiều nhau. Mỗi phần đường rộng 9,07m được chia làm 03 làn đường ngăn cách nhau bằng vạch sơn trắng đứt quãng và vạch sơn trắng liền mạch rộng 0,15m. Tính từ mép bồn bê tông ở giữa đường đến mép đường làn thứ nhất rộng 3,44m, làn thứ hai rộng 3,35m, làn thứ ba rộng 1,98m.

Lấy mép đường bên phải đường D9 làm mép đường chuẩn. Lấy trụ điện số 42 làm vật mốc, vị trí nạn nhân, phương tiện, tang vật, dấu vết như sau:

- Vết cày trên mặt đường dạng không liên tục, có chiều hướng từ Đông sang Tây hướng đến sau đuôi xe ôtô biển số 61K-165.xx dài 37,40m. Đầu vết cày nằm trong làn đường thứ nhất, cách mép phải đường D9 (mép đường chuẩn) là 6,40m, cách trụ điện số 42 (mốc chuẩn) là 19,50m, cách điểm giữa bồn bê tông thứ nhất là 6,30m.

- Vết máu trên mặt đường nằm trong và sát mép làn đường thứ ba, cách mép đường chuẩn 1,50m, cách đầu vết cày 32m.

- Xe ôt ô biển số 61K-165.xx nằm giữa vạch sơn liền mạch phân chia làn đường thứ hai và thứ ba, đầu xe quay về hướng Tây, đuôi xe quay về hướng Đông. Mặt ngoài tâm trục bánh trước bên phải xe cách mép đường chuẩn là 1,05m. Mặt ngoài tâm trục bánh sau bên phải xe cách mép đường chuẩn là 1,40m, cách tâm vết máu trên mặt đường là 4,20m. Mặt ngoài tâm trục bánh trước bên trái xe cách tâm trục bánh trước xe môtô biển số 71C4-115.xx là 1,40m. Mặt ngoài tâm trục bánh sau bên trái xe cách điểm giữa bồn bông thứ hai là 6,80m.

- Xe mô tô biển số 71C4-115.xx nằm trong làn đường thứ ba, phần bánh sau xe nằm dưới gầm đầu xe ôtô biển số 61K-165.xx, đầu xe quay về hướng Tây, đuôi xe quay về hướng Đông, tâm trục bánh trước xe cách mép đường chuẩn 1,90m, tâm trục bánh sau xe cách mép đường chuẩn là *1,50m.*

Theo Biên bản khám nghiệm phương tiện:

- Xe ô tô mang biển số 61K-165.xx: Vết bể mủ cản trước, đèn cản trước bên phải còn dính sơn màu đỏ có kích thước (0,70x0,62)m. Điểm dấu vết thấp nhất và cao nhất cách đất là (0,36x0,88)m. Vết trầy xước móp hông trước bên phải, đèn chiếu sáng trước bên phải kích thước (0,40x0,75)m, điểm dấu vết thấp nhất và cao nhất cách đất là (0,82x0,19)m.

- Xe mô tô mang biển số 71C4-115.xx: Vết màu đen bám dính lốp sau bên trái kích thước (0,15x0,06)m. Điểm dấu vết gần nhất, xa nhất cách số "5" trên dòng chữ "50P" là (0,30x1,20)m. Vết khuyết mâm trục sau bên trái kích thước (0,03x0,40)m. Điểm dấu vết gần nhất, xa nhất cách chữ "K" trên dòng chữ "Kanda" là (0,03x0,40)m. Gãy căm mâm, cong đĩa thắng bánh xe trước. Vết móp, khuyết cade kích thước (0,28x0,08)m. Điểm dấu vết gần nhất, cao nhất cách đất là (0,20x0,28)m. Vết trược xước, bể, gãy dè sau, mủ ốp đèn báo hiệu hảm đèn xi nhan trái, phải, phía sau kích thước (0,25x0,40)m. Vết cong gác chân trước, cần số, lốc máy trái kích thước (0,20x0,15)m. Điểm dấu vết thấp nhất và cao nhất cách đất (0,25x0,40)m. Vết gãy gác chân sau bên trái ra khỏi thân xe, kích thước (0,14x0,07)m. Điểm dấu vết thấp nhất và cao nhất cách đất (0,76x0,79)m.

Kết luận giám định số:1824/KLGĐTT-KTHS ngày 09/04/2024, Phòng K (PC09) Công an tỉnh Bình Dương (nay là Công an Thành phố Hồ Chí Minh), kết luận: Nguyên nhân chết của Trần Văn T1 là do đa chấn thương (chấn thương sọ não: vỡ xương sọ, xuất huyết dưới nhện, nhu mô não dập xuất huyết; chấn thương hàm mặt: vỡ xương hàm trên bên phải; chấn thương ngực bụng: gãy nhiều xương sườn; nhu mô phổi dập rách, tụ máu; tràn máu khoang màng phổi; vỡ *gan)*.

Kết quả xét nghiệm nồng độ cồn trong máu lúc 16 giờ 06 phút ngày 27/3/2024 đối với Trần Văn T1 là 2,58 mmol/L (chỉ số tham chiếu là 10.9mmol/l); kết quả kiểm tra nồng độ cồn lúc 18 giờ 35 phút ngày 27/3/2024 đối với Phạm Minh Đ là 0.00mg/l.

Công văn số: 183A/AĐ-KTh ngày 19/4/2025, Công ty cổ phần C4 xác định: Đoạn đường D- Khu công nghiệp R quy định tốc độ tối đa không quá 40km/h đối với các loại xe cơ giới.

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Minh Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được trong hồ sơ *vụ* án. Đ khai: Đ chạy xe với tốc độ khoảng 80km/h, Đ không quan sát, Trần Văn T1 điều khiển xe mô tô phía trước cùng chiều, chuyển hướng đột ngột làm Đ không xử lý kịp, gây tai nạn *giao thông*.

Về xử lý vật chứng:

- Xe ô tô biển số 61K-165.xx là do bà Nguyễn Thị L (sinh năm 1979, nơi thường trú: Khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh)) là vợ của Đ, đứng tên đăng ký. Xe mô tô biển số 71C4-115.xx là của bà Trương Thị C2 (sinh năm 1983, nơi thường trú: số F, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre, (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long)) đứng tên đăng ký. Năm 2023, bà C2 bán xe cho T1 nhưng chưa làm thủ tục sang tên.

- Ngày 12/8/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B xử lý vật chứng, giao trả: 01 (một) xe ô tô, hiệu Ford, biển số 61K-165.xx cho Nguyễn Thị L; 01 (một) xe mô tô, hiệu Yamaha Sirius, biển số 71C4-115.xx cho Trần Phúc T3 (sinh

năm 2002, nơi thường trú: Tổ A, khu phố L, phường A, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh)) là đại diện hợp pháp của nạn nhân Trần Văn T1.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 22/05/2024, Phạm Minh Đ đã bồi thường thiệt hại cho đại diện hợp pháp bị hại ông Trần Phúc T3 tổng số tiền là 235.000.000 đồng. Ông Trần Phúc T3 không yêu cầu gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Phạm Minh Đ.

Cáo trạng số: 134/CT-VKSBC ngày 13/5/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 18 -Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Phạm Minh Đ về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên toà, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng; đánh giá tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Minh Đ mức án từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Bị cáo không tranh luận chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, bị hại chuyển hướng quá đột ngột, không có tín hiệu đèn khi chuyển hướng, bị cáo xử lý không kịp mới dẫn đến tai nạn, bản thân bị cáo là lao động chính trong gia đình nuôi 03 người con, xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng án treo.

Đại diện hợp pháp bị hại ông Trần Phúc T3 không ý kiến tranh luận, vẫn giữ nguyên yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L không ý kiến tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến tranh luận đối đáp.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, tạo điều cho bị cáo được hưởng án treo để có thể đi làm nuôi sống gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trông tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa. Do đó, các hành vi, quyết

định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Quá trình chuẩn bị xét xử, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Trương Thị C2 vắng mặt, căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Minh Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, các biên bản hỏi cung bị can, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm các phương tiện, bản Kết luận giám định tử thi cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 27/03/2024, Phạm Minh Đ điều khiển xe ô tô, biển số 61K-165.xx lưu thông trên làn đường dành cho xe ôtô tại đoạn đường D thuộc ấp R, xã A, thành phố , tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), theo hướng từ vòng xoay Khu công nghiệp R đến đường D. Bị cáo điều khiển xe với tốc độ 86km/h (theo trích xuất dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình trên xe ôtô 61K-165.xx), thiếu chú ý quan sát, không giữ khoảng cách an toàn đối với xe phía trước dẫn đến va chạm vào phần đuôi xe mô tô, biển số 71C4-115.xx do bị hại Trần Văn T1 điều khiển, đang lưu thông phía trước cùng chiều, đang chuyển hướng từ lề đường bên phải qua lề đường bên trái theo chiều di chuyển của xe ôtô. Tai nạn xảy ra làm ông T1 bị thương nặng, sau đó tử vong.

Hành vi của bị cáo Phạm Minh Đ tham gia giao thông, điều khiển xe ôtô không tuân thủ quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn, vi *phạm* khoản 11 Điều 8, Điều 12 của Luật giao thông đường bộ 2008, hậu quả làm 01 người chết. Bị cáo Đ đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, do đó, hành vi của bị cáo thực hiện đã hội đủ các yếu tố cấu thành tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh) truy tố bị cáo với tội danh, điều khoản như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông đường bộ, gây thiệt hại cho tính mạng của bị hại. Với tình hình tai nạn giao thông phức tạp như hiện nay, là do ý thức không chấp hành Luật Giao thông đường bộ của người tham gia giao thông mà phần lớn là lỗi của người tham gia giao thông vi phạm Luật Giao thông đường bộ, dẫn đến gây tai nạn cho người khác. Do vậy, cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ thực hiện tội phạm nhằm có tác dụng giáo dục, trừng trị đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Minh Đ không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho đại diện hợp pháp bị hại với số tiền 235.000.000 đồng. Đại diện hợp pháp bị hại có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Trong vụ án này, bị hại Trần Văn T1 điều khiển xe mô tô biển số: 71C4-115.xx lưu thông cùng chiều với xe bị cáo Đ, theo trích xuất dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình trên xe ôtô 61K-165.xx, bị hại T1 điều khiển xe trên làn đường dành cho ôtô tải, chuyển làn đường từ phải sang trái nhưng không có tín hiệu báo hướng rẽ, chuyển hướng đột ngột, chưa đảm bảo an toàn là vi phạm Điều 13, Điều 15 của Luật giao thông đường bộ năm 2008. Bị hại Trần Văn T1 cũng có một phần lỗi.

Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[6] Đối chiếu với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: bị cáo Phạm Minh Đ có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng; có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; có khả năng tự cải tạo nên không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù, việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự, Văn bản hợp nhất Nghị quyết hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo số: 03/VBHN-TANDTC ngày 10/7/2025 của Tòa án nhân dân tối cao. Do vậy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, tạo điều kiện cho bị cáo được tự cải tạo, sửa chữa bản thân, làm người có ích cho gia đình, xã hội; đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội biết ăn năn hối cải, đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong xử lý người phạm tội.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo đã bồi thường theo yêu cầu của gia đình bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại không còn yêu cầu nào khác nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về vật chứng: Đối với 01 Giấy phép lái xe thu giữ của bị cáo Phạm Minh Đ sẽ trả lại cho bị cáo Đ.

[9] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 298, 299, 326, 327, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tuyên bố bị cáo Phạm Minh Đ phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

1. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Văn bản hợp nhất Nghị quyết hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo số: 03/VBHN-TANDTC ngày 10/7/2025 của Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Minh Đ 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm, thời gian thử thách tính từ ngày Tòa tuyên án.

Giao bị cáo Phạm Minh Đ về Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố Hồ Chí Minh trực tiếp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Phạm Minh Đ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về vật chứng: Trả cho bị cáo Phạm Minh Đ 01 Giấy phép lái xe ô tô hạng C số 740031024975 do sở giao thông vận tải tỉnh B cấp ngày 05/9/2022, có thời *hạn đến ngày 05/9/2027.*

(Vật chứng được giao cho Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 18- Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định chuyển vật chứng số 126 ngày 13/5/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Án phí sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Phạm Minh Đ phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, đại diện hợp pháp bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và Thi hành án);
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

- Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 18 – Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh (Phòng hồ sơ nghiệp vụ);
- Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 18- Thành phố Hồ Chí Minh
- Người tham gia tố tụng (8);
- Ủy ban nhân dân phường Thới Hòa (01);
- Lưu: hồ sơ vụ án, VT, NTS, 2**3.**

Nguyễn Thị Sang